IT4818 PHÂN TÍCH NGHIỆP VỤ THÔNG MINH

Phiên bản: 2019.12.10

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên học phần: Phân tích nghiệp vụ thông minh

(Introduction to Business Analytics)

Mã số học phần: IT4818 **Khối lượng:** 3(3-1-0-6)

Lý thuyết: 45 tiếtBài tập/BTL: 15 tiết

(Có BTL)

- Thí nghiệm: 0 tiết

Học phần tiên quyết: Học phần học trước:

Học phần song hành: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp các kiến thức cần thiết để thiết kế và xây dựng hệ thống thu thập, xử lý, lưu trữ, phân tích, và hiển thị hoá dữ liệu trong doanh nghiệp để giúp đưa ra quyết định nghiệp vụ kinh doanh thông minh. Các nguồn dữ liệu sử dụng bao gồm dữ liệu nội bộ, mạng xã hội, và báo chí. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Hiểu và sử dụng các công cụ thu thập, xử lý, lưu trữ, phân tích, và hiển thị hoá dữ liệu.
- Phân tích dựa vào bài toán cụ thể trong doanh nghiệp hay cho sản phẩm muốn phân tích.

3. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên hoàn thành học phần này có khả năng:

| Mục tiêu/CĐ R | Mô tả mục tiêu/Chuẩn đầu ra của học phần | CĐR được phân bổ cho HP/ Mức độ (I/T/U) |
|---------------------|--|---|
| [1] | [2] | [3] |
| M1 | Có kiến thức chuyên môn vững chắc, kiến thức nâng cao và chuyên sâu về phát triển hệ thống kinh doanh thông minh | 1.2, 1.4 |
| M1.1 | Vận dụng các kiến thức cốt lõi ngành cho việc xây dựng hệ thống BI | 1.2 |
| M1.2 | Hiểu và nắm vững các kiến thức về công nghệ BI | 1.4 |
| M2 | Có kiến thức chuyên môn vững chắc, kiến thức nâng cao và chuyên sâu về phân tích, mô hình hoá, và ra quyết định | 1.3, 1.4 |
| M2.1 | Áp dụng các kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức, phối hợp, quản lý nhóm hiệu quả | 1.3 |
| M2.2 | Nhận thức được tác động của công nghệ đối với xã hội và các quy định của xã hội đối với công nghệ | 1.4 |
| M3 | Có kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp | 2.1, 2.6 |
| M3.1 | Có khả năng phân tích và giải quyết các bài toán thực tế, xác định được vấn đề cốt yếu và tìm ra giải pháp phù | 2.1 |

| | hợp. | |
|------|--|-----|
| M3.2 | Có khả năng tự đào tạo, tự cập nhật kiến thức và nghiên cứu khoa học | 2.6 |

4. TÀI LIỆU HỌC TẬP

Giáo trình

[1] R. Pressman, Software Engineering: A Practitioner's Approach. 8th Ed., McGraw-Hill, 2016.

Sách tham khảo

- [1] Business Intelligence: Data Mining and Optimization for Decision Making. 2006
- [2] Swain Scheps. Business Intelligence for Dummies. 2008
- [3] Rick Sherman. Business Intelligence Guidebook: From Data Integration to Analytics. 2014
- [4] Cindi Howson. Successful Business Intelligence, Second Edition: Unlock The Value Of BI & Big Data. 2018

5. CÁCH ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

| Điểm thành phần | Phương pháp đánh giá cụ thể | Mô tả | CĐR được đánh giá | Tỷ trọn g |
|------------------------|--------------------------------|--|----------------------|-----------------|
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] |
| A1. Điểm quá trình (*) | Đánh giá quá trình | | | 30% |
| | A1.1. Báo cáo bài tập về nhà | Thuyết trình | M1, M2 | 10% |
| | A1.2. Bài tập lớn | Làm việc theo nhóm 3-4 sinh viên. Báo cáo, Thuyết trình | M1, M2 | 20% |
| A2. Điểm cuối kỳ | A2.1. Thi cuối kỳ | Thi tự luận hoặc thi trắc nghiệm trên máy hoặc kết hợp | M1;M2;M3 | 70% |

^{*} Điểm quá trình sẽ được điều chỉnh bằng cách cộng thêm điểm chuyên cần. Điểm chuyên cần có giá trị từ -2 đến +1, theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy của Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

6. KÉ HOẠCH GIẢNG DẠY

| Buổi học | Nội dung | Cách thức thực hiện |
|-------------|--|----------------------------------|
| Bài giảng 1 | 1: Tổng quan môn học và kinh doanh | Thuyết giảng |
| | thông minh (Business Analytics) | |
| | 1.1. Định nghĩa | |
| | 1.2. Giá trị mang lại | |
| | 1.3. Dữ liệu thô và thông tin đã qua xử lý | |
| | 1.4. Thu thập dữ liệu | |
| | 1.4. Hiển thị hoá dữ liệu | |

| | 1.5. Bài toán thực tế | |
|--------------|---|-----------------|
| Bài giảng 2 | 2: Hệ thống hỗ trợ ra quyết định | – Thuyết giảng |
| | 2.1. Định nghĩa | |
| | 2.2. Biểu diễn quá trình ra quyết định | |
| | 2.3. Vấn đề và cách tiếp cận | |
| | | |
| Bài giảng 3 | 3: Kho dữ liệu | – Thuyết giảng |
| | 3.1. Định nghĩa | |
| | 3.2. Kiến trúc | |
| Bài giảng 4 | 4: Khai phá dữ liệu | – Thuyết giảng |
| Bui giang i | 4.1. Định nghĩa | |
| | 4.2. Biểu diễn dữ liệu đầu vào | |
| | 4.3. Phương pháp phân tích | |
| Bài giảng 5 | 5: Chuẩn bị dữ liệu | - Thuyết giảng |
| | 5.1. Kiểm tra dữ liệu | |
| | 5.2. Biến đổi dữ liệu | |
| | 5.3. Lọc dữ liệu | |
| Bài giảng 6 | 6. Phân tích dữ liệu | – Thuyết giảng |
| | 6.1. Thống kê | |
| | 6.2. Phân tích một chiều 6.3. Phân tích đa chiều | |
| Bài giảng 7 | 7. Phân tích hồi quy | Thuyết giảng |
| Dai giang / | 7.1 Regression | - Thuyet glang |
| | 7.2. Dự đoán số liệu, ví dụ tỷ lệ nghỉ việc, | |
| | doanh số bán hàng | |
| Bài giảng 8 | 8. Chuỗi thời gian | - Thuyết giảng |
| | 8.1. Định nghĩa | |
| | 8.2. Autogression | |
| Bài giảng 9 | 9: Phân loại | - Thuyết giảng |
| | 9.1. Bayesian | |
| | 9.2. SVM | |
| | 9.3. Neural network | |
| D): :, 10 | 10.65 6 17 (1.4.) | TI |
| Bài giảng 10 | 10: Sắp xếp nhóm (clustering) | - Thuyết giảng |
| | 10.1. Các phương pháp 10.2. K-means | |
| | 10.3. Đánh giá | |
| Bài giảng 11 | 11: Úng dụng: marketing | - Thuyết giảng |
| Bur grang 11 | 11.1. Yêu cầu cần thiết | Thay or glang |
| | 11.2. Xây dựng mô hình | |
| | 11.3. Ví du salesforce | |
| Bài giảng 12 | 12. Úng dụng: logistics | - Thuyết giảng |
| | 12.1. Chuỗi cung ứng | |
| | 12.2. Hệ thống quản lý | |
| Bài giảng 13 | 13 Úng dung: giám sát trong FanDaga | – Thuyết giảng |
| Dai giang 13 | 13. Úng dụng: giám sát trang FanPage và Website | - I muyet grang |
| | 13.1. Thu thập dữ liệu | |
| | 13.2. Hiển thị hoá | |
| | 13.3. Ra quyết định | |
| | 1 . | 1 |

| Bài giảng 14 | Báo cáo Bài tập về nhà Bài tập 1: Triển khai hệ thống xử lý dữ liệu lớn với các công cụ Hadoop, Spark, Airflow, Kafka mô phỏng một kho dữ liệu cho một nghiệp vụ thực tế, ví dụ Ngân hàng, Thương mại điện tử Bài tập 2: Xây dựng luồng tự động hóa một dashboard tổng quan sử dụng công cụ PowerBI/Metabase cho một nghiệp vụ thực tế, ví dụ Ngân hàng, Thương mại điện tử | - Học viên trình bày |
|--------------|---|--|
| Bài giảng 15 | Báo cáo Bài tập lớn | Học viên trình bày |
| Bài giảng 16 | Báo cáo Bài tập lớn | Học viên trình bày |

7. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

Chủ động đọc trước tài liệu giáo trình, in bài giảng (*.pdf), chuẩn bị sẵn các câu hỏi. Dự lớp đầy đủ, theo dõi ghi chú vào tập bài giảng, chủ động đặt câu hỏi, tích cực tham gia phần thảo luận trên lớp.

Nếu sử dụng hình thức blended learning:

- SV tự học online ở nhà qua hệ thống LMS trước khi đến học tại giảng đường; nội dung tự học online gồm đọc tài liệu, xem bài giảng video, làm bài trắc nghiệm.
- Buổi học trên lớp sinh viên sẽ thảo luân và thực hiện các bài tập giảng viên giao cho.

Làm bài tập về nhà đầy đủ theo yêu cầu của giảng viên, tốt nhất làm bài tập và thảo luận theo nhóm (3-5 người).

Hoàn thành đầy đủ bài tập lớn, có báo cáo và bảo vệ tại lớp.

Cài đặt các chương trình sử dụng công cụ lựa chọn và thực hành bổ sung theo hướng dẫn của giảng viên.

Ôn tập theo nhóm: Bám theo mục tiêu học phần, trả lời các câu hỏi và thảo luận các bài tập ở cuối mỗi chương trong sách giáo trình.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT: 10/12/2019 Chủ tịch Hôi đồng

Nhóm xây dựng đề cương

9. QUÁ TRÌNH CẬP NHẬT

| Lần cập nhậ t | Nội dung điều chỉnh | Ngày tháng được phê duyệt | Áp dụng từ kỳ/khóa | Ghi chú |
|------------------------|---------------------|------------------------------------|-----------------------|------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |